

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm.
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST – KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 266-268, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976 – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (theo các Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2021, 30/12/2022) – có mặt.

Bị đơn: Công ty H.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phùng Quang H, sinh năm 1983 – Chức danh: Giám đốc – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2022, lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 06/4/2020, Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) giao kết Hợp đồng tín dụng số LD2009400724 với Công ty H (gọi tắt là Công ty H) để cho Công ty H vay số tiền là 280.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua xe ô tô tải. Lãi suất: Một tháng đầu tiên là 12%/năm, bắt đầu từ tháng thứ hai kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng với biên độ 4,1%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Thời hạn vay là 60 tháng. Phương thức trả nợ: Mỗi tháng trả tiền gốc và lãi.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty H đã thế chấp một xe ô tô tải có mui, màu xanh, biển số 61C-442.73 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 121485 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/3/2020 cho Công ty H. Việc thế chấp, hai bên có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 162/2020/CNBC ngày 06/4/2020, được Văn phòng công Nguyễn Duy Linh công chứng số 02452, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/4/2020. Thủ tục thế chấp có đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 06/4/2020.

Từ lúc thế chấp cho đến nay, Công ty H vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô tải, biển số 61C-442.73. Ngân hàng chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe vì Công ty H chưa trả xong nợ.

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay là 280.000.000 đồng cho Công ty H theo Giấy nhận nợ ngày 07/4/2020.

Theo Bảng kê tính lãi hợp đồng số LD 2009400724 từ ngày 07/4/2020 đến ngày 16/6/2022, Công ty H đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 55.148.358 đồng, số tiền lãi chậm trả là 445.647 đồng, số tiền nợ gốc là 121.342.000 đồng. Từ ngày 16/6/2022 cho đến nay, Công ty H không thanh toán bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty thanh toán nợ nhưng Công ty không thực hiện. Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty H phải trả số tiền nợ gốc là 158.658.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/3/2023 gồm: Lãi trong hạn là 14.983.183 đồng, lãi quá hạn là 7.491.592 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 181.132.775 đồng.

Bị đơn Công ty H: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn

bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên là có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty H (gọi tắt là Công ty H) đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 4, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng số LD2009400724 ngày 06/4/2020 do người đại diện hợp pháp của Công ty H và Ngân hàng ký tên, đóng dấu pháp nhân theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh tại thời điểm ký kết bị lừa dối, ép buộc. Do đó, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số LD2009400724 ngày 06/4/2020 có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H số tiền là 280.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 07/4/2022, người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ký, ghi tên và đóng dấu pháp nhân vào giấy.

Theo Bảng kê tính lãi Hợp đồng số LD 2009400724, khách h 11954661, loại hìn 50006 thể hiện từ ngày 07/4/2020 đến ngày 16/6/2022, Công ty H đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 55.148.358 đồng, số tiền lãi chậm trả là 445.647 đồng, số tiền nợ gốc là 121.342.000 đồng.

Theo Bảng tính lãi phát sinh của Ngân hàng thì đến ngày 16/6/2022, Công ty H không thanh toán bất kỳ số tiền lãi và gốc nào cho Ngân hàng nữa. Như vậy, Công ty H đã vi phạm thỏa thuận tại khoản 1 của mục Các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng số LD2009400724 ngày 06/4/2020). Công ty H không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét từng yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

* Về khoản nợ gốc: Theo Bảng kê tính lãi hợp đồng LD 2009400724, khách h 11954661, loại hìn 50006 và Bảng tính lãi phát sinh tính đến ngày 31/3/2023 thể hiện: Tổng số tiền gốc mà Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng là 280.000.000 đồng. Từ ngày 07/4/2020 đến ngày 16/6/2022, Công ty H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 121.342.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 158.658.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

* Về khoản nợ lãi: Theo Bảng kê tính lãi hợp đồng LD 2009400724, khách h 11954661, loại hìn 50006 thể hiện: Từ ngày 07/4/2020 cho đến ngày 16/6/2022, Công ty H đã thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 55.148.358 đồng, số tiền nợ lãi chậm trả là 445.647 đồng. Đến ngày 16/6/2022, Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

* Về yêu cầu được phát mãi tài sản trong trường hợp Công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ. Xét thấy, Công ty H được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 121485 ngày 30/3/2020 đối với xe ô tô tải có mui, màu xanh, biển số 61C-442.73. Công ty H đã thế chấp xe ô tô trên cho Ngân hàng bằng Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/4/2020. Hợp đồng thế chấp được người đại diện hợp pháp của hai bên ký, ghi tên và đóng dấu pháp nhân, được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Linh công chứng số 02452, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/4/2020. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết đều đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện tham gia ký hợp đồng, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm thế chấp xe ô tô tải nêu trên thuộc quyền sở hữu của Công ty H. Thủ tục

thế chấp có đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 06/4/2020. Như vậy, việc thế chấp trên là đúng theo quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản này để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 317, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn Công ty H về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn Công ty H phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng T Số tổng tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 31/3/2023 là 181.132.775 (một trăm tám mươi một triệu một trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 158.658.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 14.983.183 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 7.491.592 đồng.

Từ ngày 01/4/2023 tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LD2009400724 ngày 06/4/2020 cho đến khi Công ty H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì số tiền lãi suất mà Công ty H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Bản án có hiệu lực thi hành, Công ty H không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là xe ô tô tải có mui hiệu Teraco, màu xanh, biển số 61C-442.73, số máy ZLQ433045331, số khung 174LKC000297 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/4/2020, được Văn phòng công chứng

Nguyễn Duy Linh công chứng số 02452, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/4/2020 và Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 06/4/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.633.103 đồng (bốn triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn một trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011929 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn Công ty H phải chịu 9.056.639 đồng (chín triệu không trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty H phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã đóng tạm ứng trước đó nên Công ty H phải hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An